

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2018

V/v Kiện ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển.

2. Bà H'Uyên A Yun.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Kon – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2017/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2017, về việc kiện “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nông Văn A, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện E, Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn ông Nông Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B chung sống với nhau từ năm 1981, ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi về chung sống hai người sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian ông A lo cho ba con ăn học tiền bạc thất thoát từ đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2010 do không thể tiếp tục chung sống với bà B nữa nên ông A đã bỏ nhà đi và ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị B.

Về con chung: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B có 03 con chung: Nông Văn F, sinh năm 1991; Nông Văn G, sinh năm 1993; Nông Văn H, sinh năm 1997. Hiện nay, các con của ông bà đã trưởng thành nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nông Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn bà Lê Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Nông Văn A chung sống với nhau từ năm 1981, ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi về chung sống hai người chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến năm 2006 ông A có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, bỏ đi khỏi nhà năm 2006 cho đến nay. Nay bà B nhận thấy không còn tình cảm với ông A nữa nhưng bà B không đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Nông Văn A có 03 con chung như ông A trình bày. Hiện nay, các con của ông bà đã trưởng thành nên bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn A, cho ông Nông Văn A và bà Lê Thị B được ly hôn. Do các con chung của ông Nông Văn A và bà Lê Thị B đã trưởng thành nên không đề cập, xem xét. Đối với tài sản chung ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập, xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Do mâu thuẫn nên ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà B và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế.

Xét thấy, ông A và bà B không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà chung sống với nhau từ năm 1981. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 03 tháng 01 năm 2001 thì hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân thực tế.

Hiện nay, ông A và bà B không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người, ông A và bà B cũng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Vì vậy, cần cho ông A và bà B được ly hôn, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người.

[3] Về nuôi con chung: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B có 03 con chung: Nông Văn F, sinh năm 1991; Nông Văn G, sinh năm 1993; Nông Văn H, sinh năm 1997. Hiện nay, các con của ông bà đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Ông Nông Văn A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn A, ông Nông Văn A được ly hôn với bà Lê Thị B.

2. Về nuôi con chung: Các con chung của ông Nông Văn A và bà Lê Thị B đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nông Văn A và bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nông Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nông Văn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2017/0000708, ngày 06 tháng 12 năm 2017.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nông Văn A, bị đơn bà Lê Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Đăng Khoa